

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Cần Thơ
đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ và Báo cáo thẩm định của Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Cần Thơ đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi lập điều chỉnh quy hoạch:

Phạm vi điều chỉnh quy hoạch gồm toàn bộ địa giới hành chính thành phố Cần Thơ với diện tích đất khoảng 1.409 km² (140.895 ha).

2. Tính chất:

- Là đô thị loại I trực thuộc Trung ương; trung tâm về công nghiệp, thương mại, dịch vụ, khoa học - công nghệ, y tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa - thể thao - du lịch của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Là đầu mối giao thương quốc tế quan trọng của vùng đồng bằng sông Cửu Long và quốc gia, cửa ngõ của vùng hạ lưu sông Mê Kông.

- Có vị trí chiến lược an ninh quốc phòng quan trọng của vùng đồng bằng sông Cửu Long và quốc gia.

3. Mục tiêu:

- Phát triển thành phố Cần Thơ trở thành thành phố cấp quốc gia, văn minh, hiện đại, đô thị trung tâm động lực của vùng đồng bằng sông Cửu Long và đô thị cửa ngõ của vùng hạ lưu sông Mekong; Góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long và có tầm ảnh hưởng trong vùng Đông Nam Á.

- Phát triển không gian thành phố theo hướng phát triển toàn diện, cân bằng và bền vững, bảo đảm an ninh quốc phòng; phát triển hài hòa với cảnh quan tự nhiên, phát huy bản sắc đô thị sông nước, đô thị sinh thái đặc trưng vùng đồng bằng sông Cửu Long.

4. Quy mô dân số:

- Đến năm 2020 dân số thành phố Cần Thơ khoảng 1,5 triệu đến 1,6 triệu người, trong đó dân số đô thị khoảng 1,1 triệu đến 1,2 triệu người. Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 70% đến 75%.

- Đến năm 2030 dân số thành phố Cần Thơ khoảng 1,9 triệu đến 2,0 triệu người, trong đó dân số đô thị khoảng 1,5 triệu đến 1,6 triệu người. Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 75% đến 80%.

5. Quy mô đất đai:

- Hiện trạng đất xây dựng đô thị (gồm cả đất công nghiệp và đất khác ngoài đô thị) khoảng 14.500 ha, chiếm khoảng 10,29% diện tích tự nhiên của thành phố Cần Thơ.

- Đến năm 2020: Đất xây dựng đô thị khoảng 19.000 ha, trong đó đất dân dụng khoảng 9.000 ha.

- Đến năm 2030: Đất xây dựng đô thị khoảng 28.000 ha, trong đó đất dân dụng khoảng 14.500 ha.

6. Mô hình phát triển không gian đô thị:

Mô hình phát triển theo chuỗi các khu đô thị tập trung, đa trung tâm trong vùng đô thị nội thành và các đô thị vệ tinh trung tâm huyện. Phát triển đô thị xanh và mặt nước, có không gian đô thị nén, đan xen với mặt nước và các dải cảnh quan xanh.

7. Định hướng phát triển không gian:

a) Phân vùng phát triển:

- Vùng phát triển đô thị - công nghiệp khu vực nội thành: Có diện tích 26.250 ha, bao gồm:

+ Khu đô thị trung tâm: Khu đô thị truyền thống Ninh Kiều - Bình Thủy có diện tích 8.100 ha; khu đô thị - công nghiệp Trà Nóc có diện tích 2.850 ha; khu đô thị - công nghiệp Cái Răng có diện tích 4.800 ha; khu đô thị sinh thái Phong Điền có diện tích 1.500 ha;

+ Khu đô thị mới Ô Môn có diện tích 4.700 ha;

+ Khu đô thị - công nghiệp Thốt Nốt có diện tích 4.300 ha.

- Vùng phát triển đô thị - công nghiệp khu vực ngoại thành: Có diện tích 1.750 ha, bao gồm các đô thị thuộc huyện: Thị trấn Cờ Đỏ có diện tích 425 ha; thị trấn Thới Lai có diện tích 500 ha; thị trấn Vĩnh Thạnh có diện tích 550 ha và thị trấn Thạnh An có diện tích 275 ha với chức năng là các đô thị vệ tinh hỗ trợ khu vực trung tâm thành phố.

- Vùng phát triển nông thôn và nông nghiệp: Có diện tích khoảng 100.500 ha, bao gồm:

+ Các điểm dân cư nông thôn tập trung có diện tích khoảng 2.113 ha;

+ Đất sản xuất nông nghiệp có diện tích khoảng 73.000 ha, bao gồm vùng phát triển nông nghiệp công nghệ cao khoảng 15.000 ha tại phía Đông đường cao tốc mới, gần với các khu đô thị, trong công viên sông Hậu;

+ Đất bảo tồn cây xanh (cây ăn trái) có diện tích khoảng 25.395 ha.

- Vùng cây xanh cảnh quan, công viên chuyên đề và không gian mở: Có diện tích khoảng 10.100 ha trong các vùng phát triển đô thị - công nghiệp và vùng nông thôn và nông nghiệp, bao gồm:

+ Công viên sông Hậu: Là công viên chuyên đề cấp vùng, công viên nông nghiệp công nghệ cao;

+ Công viên tuyến: Phân bố dọc “trục xương sống đô thị” tạo hành lang xanh và không gian mở cho các đô thị;

+ Dải cù lao dọc sông Hậu là nơi tập trung các dịch vụ du lịch sinh thái và giải trí thể thao, sân golf.

b) Định hướng phát triển không gian đô thị:

- Khu đô thị trung tâm:

+ Khu đô thị truyền thống Ninh Kiều - Bình Thủy:

Là khu vực trung tâm lịch sử truyền thống, bố trí trung tâm chính trị - hành chính thành phố; trung tâm tiếp vận về đường bộ, đường thủy và đường hàng không; trung tâm thể dục thể thao cấp thành phố và cấp vùng; trung tâm giáo dục

đào tạo cấp vùng và cấp quốc gia; trung tâm y tế đa khoa, chuyên khoa cấp thành phố và cấp vùng; trung tâm thương mại, dịch vụ và tài chính cấp thành phố và cấp vùng. Các khu ở hỗn hợp, khu ở chính trang, khu ở tập trung.

Quy mô dân số, đất đai: Dự báo đến năm 2020 quy mô dân số khoảng 420.000 người; quy mô đất xây dựng khu đô thị khoảng 5.710 ha. Đến năm 2030 quy mô dân số khoảng 500.000 người; quy mô đất xây dựng khu đô thị khoảng 8.100 ha.

Hình thành ba khu dịch vụ công cộng mới tại khu vực sân bay quốc tế Cần Thơ, trục đường Nguyễn Văn Cừ và trục đường Võ Văn Kiệt. Phát triển các trung tâm giáo dục - đào tạo cấp vùng và quốc tế, trung tâm y tế đa khoa, chuyên khoa cấp vùng và cấp thành phố. Sông Hậu, sông Cần Thơ, rạch Cái Khế, sông Bình Thủy, tuyến công viên mới, vườn cây ăn trái tiếp giáp Phong Điền, khu du lịch sinh thái cồn Khương, tạo thành hệ khung cảnh quan chính trong khu đô thị.

+ Khu đô thị công nghiệp Cái Răng:

Là trung tâm công nghiệp và dịch vụ cảng, đầu mối giao thông về đường bộ, đường thủy và đường sắt, trung tâm tiếp vận về dịch vụ cảng và dịch vụ hậu cần - kho bãi (logistics) cấp vùng. Trung tâm dịch vụ - thương mại cấp thành phố và cấp vùng, trung tâm văn hóa cấp vùng, các khu ở tập trung và ở sinh thái nhà vườn.

Quy mô dân số, đất đai: Dự báo đến năm 2020 quy mô dân số khoảng 220.000 người; quy mô đất xây dựng khu đô thị khoảng 3.520 ha. Đến năm 2030 quy mô dân số khoảng 300.000 người; quy mô đất xây dựng khu đô thị khoảng 4.850 ha.

Phát triển các khu đô thị, dân cư tập trung mới, chính trang và khu nhà vườn. Bố trí văn phòng và kinh doanh thương mại dọc trục đường chính; khu trung tâm thương mại dịch vụ quy mô lớn gắn với nhà ga đường sắt mới. Ngoài ra sẽ có các khu dịch vụ công cộng cho khu đô thị, trường đại học, bệnh viện. Khai thác không gian sông Cần Thơ là trục cảnh quan chính của đô thị. Phát triển cảng biển quốc tế Cái Cui, khu công nghiệp, dịch vụ logistics.

+ Khu đô thị - công nghiệp Trà Nóc:

Là trung tâm công nghiệp chuyên ngành, công nghiệp điện năng cấp vùng; đầu mối giao thông đường thủy - cảng tổng hợp cấp vùng; trung tâm thương mại dịch vụ cấp thành phố và khu đô thị, các khu ở tập trung nén và khu ở mật độ thấp.

Quy mô dân số, đất đai: Dự báo đến năm 2020 quy mô dân số khoảng 110.000 người; quy mô đất xây dựng khu đô thị khoảng 1.760 ha. Đến năm 2030 quy mô dân số khoảng 180.000 người; quy mô đất xây dựng khu đô thị khoảng 2.850 ha.

Phát triển không gian đô thị và công nghiệp bố trí dọc sông Hậu và quốc lộ 91. Không gian cảnh quan bao gồm tuyến công viên sinh thái có khu vực bán ngập nước, hồ nước dọc quốc lộ 91, vùng nông nghiệp công nghệ cao ở phía Bắc. Không gian dịch vụ công cộng khu đô thị, thương mại, phát triển hỗn hợp bố trí trên trục quốc lộ 91 và quốc lộ 91B. Các khu ở chỉnh trang, khu ở tập trung, khu ở nhà vườn bố trí phía Nam quốc lộ 91 giáp cảng hàng không quốc tế Cần Thơ.

+ Khu đô thị sinh thái Phong Điền:

Là trung tâm hành chính, chính trị của quận Phong Điền trong tương lai. Trung tâm du lịch văn hóa - sinh thái, trung tâm bảo tồn cảnh quan vườn cây ăn trái.

Quy mô dân số, đất đai: Dự báo đến năm 2020 quy mô dân số khoảng 50.000 người; quy mô đất xây dựng khu đô thị khoảng 1.000 ha. Đến năm 2030 quy mô dân số khoảng 90.000 người; quy mô đất xây dựng khu đô thị khoảng 1.500 ha.

Phát triển không gian sinh thái gắn thiên nhiên sông, rạch, vườn cây ăn trái, vùng lá phổi xanh, cảnh quan đặc trưng của thành phố Cần Thơ. Trung tâm hành chính quận và dịch vụ công cộng khu đô thị, dịch vụ du lịch bố trí trên Đường tỉnh 923 (Lộ Vòng Cung) và giao điểm của sông Cần Thơ và kênh Xà No. Các khu ở sinh thái nhà vườn bố trí dọc Đường tỉnh 923. Khu di tích lịch sử văn hóa Lộ Vòng Cung, du lịch văn hóa bản địa chợ nổi Phong Điền, du lịch sinh thái trên sông, kênh, rạch và vườn cây ăn trái.

- Khu đô thị mới Ô Môn:

Là khu đô thị mới của thành phố Cần Thơ, là đầu mối giao thông về đường bộ, đường thủy, đường sắt, trung tâm giao dịch quốc tế, trung tâm nghiên cứu khoa học công nghệ, giáo dục - đào tạo cấp quốc gia và quốc tế. Trung tâm tài chính, thương mại - dịch vụ cấp quốc gia. Trung tâm công nghiệp công nghệ cao, công viên chuyên đề nông nghiệp công nghệ cao sông Hậu. Trung tâm văn hóa - hội chợ triển lãm cấp vùng và quốc gia. Trung tâm du lịch cảnh quan và sinh thái cấp vùng. Các khu ở tập trung, khu ở sinh thái vườn.

Quy mô dân số, đất đai: Dự báo đến năm 2020 quy mô dân số khoảng 100.000 người; quy mô đất xây dựng khu đô thị khoảng 2.100 ha. Đến năm 2030 quy mô dân số khoảng 160.000 người; quy mô đất xây dựng khu đô thị khoảng 4.100 ha.

Phát triển không gian dọc trục giao thông chính gắn kết với hồ điều hòa ở phía Bắc khu đô thị và sông Ô Môn kết nối với trung tâm hành chính quận hiện nay. Các khu ở tập trung nén và các khu ở nhà vườn bố trí hai bên trục giao thông đô thị, trung tâm công nghiệp công nghệ cao bố trí phía Nam khu

đô thị, giáp trục đường cao tốc. Không gian cảnh quan bao gồm tuyến công viên, các hồ nước, công viên sông Hậu, vùng nông nghiệp công nghệ cao được bố trí bao quanh và đan xen phân phát triển đô thị.

- Khu đô thị - công nghiệp Thốt Nốt:

Là trung tâm công nghiệp chế biến nông sản, thủy hải sản và công nghiệp phụ trợ, trung tâm kho vận cấp vùng, trung tâm thương mại - dịch vụ cấp thành phố và cấp vùng, trung tâm du lịch sinh thái cảnh quan trên sông Hậu và các khu ở tập trung và ở sinh thái.

Quy mô dân số, đất đai: Dự báo đến năm 2020 quy mô dân số khoảng 210.000 người; quy mô đất xây dựng khu đô thị khoảng 3.000 ha. Đến năm 2030 quy mô dân số khoảng 290.000 người; quy mô đất xây dựng khu đô thị khoảng 4.850 ha.

Phát triển không gian gắn với các trục giao thông về đường bộ và đường thủy, bao gồm đường Hồ Chí Minh - cầu Vàm Cống, quốc lộ 80 và trục xương sống đô thị, tuyến sông Hậu và kênh Cái Sắn, khu đô thị được định hướng phát triển khu cảng, khu công nghiệp đa ngành, gắn với quốc lộ 80 và tuyến đường Hồ Chí Minh. Kết nối với khu công nghiệp tập trung Vàm Cống của tỉnh An Giang tạo thành khu vực công nghiệp tập trung lớn của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Phát triển khu ở sinh thái, nhà vườn bố trí ở phía Tây của khu đô thị. Công viên tuyến kết nối với các hồ nước, kết nối với sông và kênh rạch tạo thành một tổng thể về cảnh quan và không gian mở.

- Khu vực ngoại thành:

+ Thị trấn Cờ Đỏ:

Là trung tâm chính trị - hành chính, trung tâm kinh tế - văn hóa, khoa học kỹ thuật của huyện Cờ Đỏ và của vùng phía Tây thành phố Cần Thơ.

Quy mô dân số, đất đai: Dự báo quy mô dân số đến năm 2020 khoảng 17.000 người, đất xây dựng đô thị khoảng 306 ha. Đến năm 2030 quy mô dân số khoảng 20.000 người, đất xây dựng đô thị khoảng 425 ha.

Phát triển không gian theo mô hình tập trung, hướng tâm, gồm khu chức năng đô thị như: Trung tâm chính trị - hành chính, văn hóa, dịch vụ công cộng; trung tâm thương mại - dịch vụ; cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; các khu ở chỉnh trang và tập trung; các không gian ở nhà vườn được bố trí bám theo các tuyến giao thông thủy, bộ. Không gian cảnh quan bao gồm hệ thống kênh rạch, các công viên vành đai và các mảng xanh nông nghiệp đan xen vành đai đô thị.

+ Thị trấn Thới Lai:

Là trung tâm chính trị - hành chính, kinh tế - văn hóa, khoa học kỹ thuật của huyện Thới Lai.

Quy mô dân số, đất đai: Dự báo quy mô dân số đến năm 2020 khoảng 20.000 người, đất xây dựng đô thị khoảng 360 ha. Đến năm 2030 quy mô dân số khoảng 22.000 người, đất xây dựng đô thị khoảng 500 ha.

Phát triển không gian theo mô hình tập trung hướng tâm, gồm trung tâm hành chính, dịch vụ công cộng, trung tâm thương mại; cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp được bố trí theo các trục giao thông thủy bộ; công viên cây xanh cảnh quan được bố trí gắn liền với cảnh quan vườn cây ăn trái. Các khu ở cũ chỉnh trang cải tạo, các khu ở mới theo dạng nhà vườn sinh thái, bố trí ở các đường vành đai.

+ Thị trấn Vĩnh Thạnh:

Là trung tâm chính trị - hành chính, kinh tế văn hóa, khoa học kỹ thuật của huyện Vĩnh Thạnh.

Quy mô dân số, đất đai: Dự báo quy mô dân số đến năm 2020 khoảng 22.000 người, đất xây dựng đô thị khoảng 396 ha. Đến năm 2030 quy mô dân số khoảng 25.000 người, đất xây dựng đô thị khoảng 550 ha.

Phát triển không gian tập trung và theo tuyến, trung tâm hành chính, dịch vụ công cộng, khu ở tập trung, ở chỉnh trang và tiểu thủ công nghiệp, bố trí dọc quốc lộ 80, kênh Cái Sắn và Đường tỉnh 919. Trong tương lai có thể kết nối với đường Hồ Chí Minh và đường cao tốc Sóc Trăng - Châu Đốc, gần các khu công nghiệp tập trung Thốt Nốt.

+ Thị trấn Thạnh An:

Là trung tâm kinh tế phía Tây của huyện Vĩnh Thạnh.

Quy mô dân số, đất đai: Dự báo quy mô dân số đến năm 2020 khoảng 11.000 người, đất xây dựng đô thị khoảng 198 ha. Đến năm 2030 quy mô dân số khoảng 13.000 người, đất xây dựng đô thị khoảng 275 ha.

Phát triển không gian theo tuyến, nằm dọc kênh Cái Sắn và quốc lộ 80. Trung tâm dịch vụ công cộng được bố trí dọc trục giao thông liên vùng và quốc lộ 80. Cụm tiểu thủ công nghiệp bố trí dọc quốc lộ 80 và kênh Cái Sắn. Ngoài ra các không gian ở, chỉnh trang và tập trung được bố trí dọc quốc lộ 80 và kênh Cái Sắn, kết nối với cụm tiểu thủ công nghiệp và trung tâm dịch vụ công cộng. Các khu ở nhà vườn phân bố dọc theo quốc lộ 80 và kênh Cái Sắn.

- Định hướng phát triển không gian hệ thống các trung tâm chuyên ngành:

+ Trung tâm hành chính và dịch vụ công cộng, diện tích khoảng 1.491 ha, gồm:

. Trung tâm hành chính - chính trị của thành phố được hoàn chỉnh ưu tiên theo hướng tập trung tại vị trí phù hợp phục vụ nhu cầu hiện tại và tương lai.

. Trung tâm hành chính - chính trị tập trung của các quận, huyện: Trung tâm quận Ninh Kiều, Bình Thủy, Phong Điền, Ô Môn, Thốt Nốt bố trí ở vị trí cũ, chỉnh trang cải tạo theo hướng tập trung. Trung tâm quận Cái Răng và trung tâm các huyện tiếp tục đầu tư xây dựng theo hướng tập trung.

. Các khu dịch vụ công cộng cấp thành phố bố trí tại khu đô thị truyền thống Ninh Kiều, Bình Thủy, khu đô thị công nghiệp Cái Răng và khu đô thị mới Ô Môn. Các trung tâm văn hóa, thể dục - thể thao, nghỉ ngơi giải trí hiện có của thành phố được cải tạo, nâng cấp.

. Các khu dịch vụ công cộng cấp quận, huyện, bố trí tại trung tâm các khu đô thị và các đô thị vệ tinh.

. Trung tâm thương mại - dịch vụ cấp khu đô thị bố trí ở trung tâm các khu đô thị nội thành và các đô thị ngoại thành.

. Trung tâm dịch vụ công cộng các điểm dân cư nông thôn được bố trí tại trung tâm các xã và các điểm dân cư nông thôn.

+ Trung tâm y tế, diện tích khoảng 92 ha, gồm:

. Trung tâm y tế cấp vùng, quốc gia và quốc tế như trung tâm y tế đa khoa, chuyên khoa, trung tâm nghiên cứu y dược quốc tế bố trí ở khu đô thị Ninh Kiều - Bình Thủy, trên trục xương sống đô thị.

. Trung tâm y tế đa khoa và các trung tâm y tế chuyên khoa cấp thành phố, bố trí ở quận Ninh Kiều và quận Cái Răng.

. Trung tâm y tế đa khoa, chuyên khoa và y tế dự phòng của các quận, huyện bố trí theo các khu đô thị có bán kính phục vụ phù hợp.

+ Trung tâm giáo dục - đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, diện tích khoảng 660 ha, gồm:

. Các trung tâm giáo dục đào tạo cấp vùng, quốc gia và quốc tế: Bố trí, xây dựng tại khu đô thị mới Ô Môn.

. Các cơ sở đào tạo đại học, đào tạo nghề và các viện nghiên cứu khoa học: Bố trí tại khu đô thị truyền thống và phân tán ở các khu đô thị khác.

+ Các trung tâm văn hoá, thể dục - thể thao, diện tích khoảng 220 ha, gồm:

. Các trung tâm văn hoá, thể dục - thể thao nghỉ ngơi giải trí hiện có của thành phố được cải tạo, nâng cấp và hiện đại hoá. Trung tâm văn hoá thể dục thể thao của thành phố bố trí tại khu đô thị truyền thống.

. Xây dựng mới khu liên hợp thể dục thể thao cấp vùng, khu hội chợ quốc tế và trung tâm thể dục thể thao tại khu đô thị mới Ô Môn.

. Các trung tâm văn hóa, thể dục thể thao, giải trí cấp vùng và cấp quốc gia được bố trí dọc công viên tuyến và công viên chuyên đề sông Hậu, các trung tâm văn hóa, thể dục thể thao, giải trí cấp quận, huyện bố trí ở các khu đô thị.

+ Trung tâm tài chính, thương mại, dịch vụ văn phòng hỗn hợp, diện tích khoảng 440 ha, gồm:

. Trung tâm tài chính, thương mại - dịch vụ văn phòng hỗn hợp cấp quốc gia và quốc tế: Bố trí tập trung tại khu đô thị Ninh Kiều - Bình Thủy, khu đô thị mới Ô Môn và khu đô thị công nghiệp Cái Răng.

. Trung tâm tài chính thương mại - dịch vụ, văn phòng hỗn hợp cấp vùng và quốc gia: Bố trí ở các quận Ninh Kiều, Bình Thủy, Ô Môn và Thốt Nốt.

+ Trung tâm dịch vụ du lịch:

Dịch vụ du lịch hỗn hợp: Bố trí ở khu đô thị Ninh Kiều - Bình Thủy, khu đô thị công nghiệp Cái Răng, khu đô thị mới Ô Môn và khu đô thị công nghiệp Thốt Nốt.

Dịch vụ du lịch, văn hóa truyền thống, du lịch sông nước, du lịch sinh thái vườn trái cây, nông nghiệp: Tập trung ở khu đô thị sinh thái Phong Điền, khu vực cồn Khương, cồn Ấu, các cồn trên sông Hậu, công viên nông nghiệp công nghệ cao sông Hậu, vùng dọc sông Hậu, vùng nông nghiệp chuyên canh ở phía Tây thành phố và không gian xanh đan xen giữa các khu đô thị.

- Định hướng không gian các khu dân cư đô thị:

+ Các khu ở đô thị chính trang và phát triển hỗn hợp: Tập trung chủ yếu tại quận Ninh Kiều và Bình Thủy, một phần tại các khu đô thị hiện hữu thuộc quận Ô Môn, Thốt Nốt và các khu dân cư trung tâm các đô thị ngoại thành như Phong Điền, Thới Lai, Vĩnh Thạnh, Cờ Đỏ.

+ Các khu ở đô thị tập trung mật độ cao: Tập trung chủ yếu tại 3 khu đô thị: Khu đô thị mới Ô Môn, khu đô thị Ninh Kiều - Bình Thủy và khu đô thị - công nghiệp Cái Răng, chiếm khoảng 38% tổng diện tích khu ở của toàn thành phố.

+ Các khu ở đô thị nhà vườn mật độ thấp: Phân bố tại vùng phía ngoài của trung tâm các khu đô thị, trong đó 4 khu đô thị gồm khu đô thị Thốt Nốt, Ô Môn, Phong Điền, Cái Răng và các đô thị ngoại thành chiếm khoảng 42% tổng diện tích khu ở của toàn thành phố.

+ Từng bước đưa các cơ sở công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, kho tàng xen lẫn các khu dân cư gây ô nhiễm môi trường ra các khu, cụm công nghiệp tập trung để chuyển những khu đất này sang các chức năng phát triển

khu ở mới, hạ tầng xã hội và kỹ thuật. Khuyến khích các cơ sở công nghiệp hiện hữu dọc theo sông Hậu và các sông rạch chuyển đổi công năng khác để phục vụ cho sự phát triển đô thị.

- Định hướng không gian các khu dân cư nông thôn:

+ Khu ở nông thôn tập trung có diện tích khoảng 2.113 ha, bao gồm các làng nghề truyền thống cải tạo chỉnh trang, các làng nghề mới mở rộng, gắn liền với các trục giao thông thủy - bộ, các khu nhà vườn gắn với vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, vườn cây ăn trái kết hợp du lịch sinh thái.

+ Liên kết giữa vùng đô thị và nông thôn: Các điểm dân cư trung tâm xã khu vực nông thôn Cần Thơ cần thiết được xây dựng, cải tạo đảm bảo yêu cầu tập trung dân cư cao, với hạ tầng kỹ thuật hiện đại, đồng bộ, tiếp cận tốt tới các khu vực đô thị. Tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Định hướng không gian các khu công nghiệp và đầu mối hạ tầng kỹ thuật:

Vùng phát triển công nghiệp diện tích khoảng 3.088 ha bố trí gắn với hạ tầng đường bộ và đường thủy.

+ Các khu công nghiệp tập trung có diện tích khoảng 2.929 ha, gồm: Khu công nghiệp Trà Nóc có diện tích là 689 ha; khu công nghiệp Cái Răng có diện tích khoảng 240 ha; khu công nghệ cao Ô Môn có diện tích 470 ha; khu công nghiệp Thốt Nốt có diện tích 1.530 ha.

+ Bố trí các cụm tiểu thủ công nghiệp tại vị trí phù hợp trong khu vực các quận và đô thị thuộc huyện.

+ Đầu mối hạ tầng kỹ thuật:

Cảng hàng không: Phát triển Sân bay quốc tế Cần Thơ hiện hữu, nghiên cứu quy hoạch sân bay quốc tế của vùng sau năm 2030 tại huyện Cờ Đỏ.

Ga đường sắt: Ga chính tuyến thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ bố trí ở quận Cái Răng; ga chính tuyến Cần Thơ - Châu Đốc bố trí ở khu đô thị mới Ô Môn.

Hệ thống cảng tổng hợp, cảng du lịch: Bố trí ở quận Thốt Nốt và Bình Thủy. Cảng biển quốc tế Cái Cui bố trí ở quận Cái Răng.

Các nhà máy cấp nước - điện, các khu xử lý rác thải, nước thải, nghĩa trang: Được bố trí đồng bộ và hiện đại phù hợp với bán kính phục vụ của các khu đô thị.

- Định hướng không gian vùng nông thôn:

Phát triển nông thôn thành phố Cần Thơ theo mô hình nông thôn mới. Các điểm dân cư nông thôn ở tập trung tại trung tâm các xã, gắn với vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, cung ứng sản phẩm nông nghiệp sạch cho khu vực trung tâm. Các điểm dân cư nông thôn ở quy mô nhỏ hơn, gắn với các hoạt động du lịch sinh thái, dịch vụ du lịch và duy trì làng nghề truyền thống.

Khu vực sản xuất nông nghiệp (bao gồm đất ở) diện tích khoảng 73.000 ha, trong đó đất nông nghiệp công nghệ cao khoảng 15.000 ha, tại phía Đông đường cao tốc mới, gắn với các khu đô thị và trong công viên sông Hậu.

Đất bảo tồn cây xanh (vườn cây ăn trái) và công viên chuyên đề khoảng 25.395 ha. Các khu vực nông nghiệp dọc bờ sông Hậu có địa hình trung bình (không đủ cao để đô thị hóa) có tiềm năng cảnh quan sông nước sẽ là một yếu tố bổ sung trong mạng lưới cây xanh, tạo ra một cảnh quan mở, rộng lớn nằm đan xen với các lõi đô thị dọc sông Hậu.

- Định hướng không gian cây xanh cảnh quan, công viên chuyên đề và không gian mở, diện tích khoảng 10.100 ha, bao gồm:

+ Công viên sông Hậu là công viên chuyên đề cấp vùng, bao gồm nghiên cứu khoa học, nông nghiệp công nghệ cao, diện tích mặt nước, thể dục thể thao và vui chơi giải trí cho toàn vùng đồng bằng sông Cửu Long, diện tích khoảng 3.700 ha.

+ Công viên dạng tuyến dọc trục xương sống tạo dấu ấn cảnh quan chính cho đô thị, là không gian kết nối giữa khu vực phát triển đô thị và cảnh quan mở diện tích khoảng 4.000 ha.

+ Dải các cù lao trên sông Hậu khoảng 2.400 ha là nơi tập trung các hoạt động dịch vụ - du lịch giải trí, sân golf,...

+ Khu vực vườn cây ăn trái ở Phong Điền, Ô Môn và Thốt Nốt được liên kết với công viên tuyến đô thị và công viên sông Hậu.

8. Định hướng thiết kế đô thị:

a) Khung thiết kế đô thị tổng thể:

- Trục chính đô thị theo hướng Nam - Bắc: Từ khu đô thị - công nghiệp Cái Răng đến khu đô thị - công nghiệp Thốt Nốt. Kiểm soát không gian công cộng và công trình điểm nhấn, kiểm soát các mặt cắt không gian qua các khu đô thị, kiểm soát tầng cao, mật độ xây dựng, khoảng lùi và hình thức kiến trúc.

- Các trục chính các khu đô thị: Là các trục giao thông chủ đạo trong khu đô thị.

- Không gian đặc thù, không gian cảnh quan của khu đô thị, các khu vực có giá trị về lịch sử, văn hóa, xã hội.

b) Nội dung kiểm soát: Kiểm soát hình thái không gian kiến trúc cảnh quan, các công trình điểm nhấn, công trình biểu tượng, kiểm soát mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tỷ lệ diện tích cây xanh, cây xanh, không gian công cộng, công trình dịch vụ công cộng, các trục giao thông chủ đạo.

c) Định hướng thiết kế đô thị:

- Mật độ xây dựng: Khu vực trung tâm các khu đô thị, khu dân cư hiện hữu, khu phát triển hỗn hợp có mật độ xây dựng cao; khu hành chính, trung tâm chuyên ngành, khu công nghiệp, đất ở phát triển mới ngoài khu vực trung tâm khu đô thị có mật độ xây dựng trung bình; vùng phát triển du lịch, khu nhà vườn, khu sinh thái, công viên cây xanh, thể dục thể thao có mật độ xây dựng thấp.

- Tầng cao xây dựng và hệ số sử dụng đất: Khu vực trung tâm các đô thị bố trí các công trình có tầng cao và hệ số sử dụng đất (trung bình) cao, bố trí công trình cao tầng tạo điểm nhấn; khu vực du lịch, sinh thái, công viên cây xanh bố trí các công trình có tầng cao và hệ số sử dụng đất (trung bình) thấp.

- Kiểm soát, bảo tồn, phát triển cảnh quan đặc trưng của các khu vực công viên chuyên đề, các không gian mở, không gian công cộng, lịch sử, văn hóa, thể thao, du lịch, các khu vực bảo tồn cây xanh (vườn cây ăn trái), không gian cảnh quan nông nghiệp, sông, kênh rạch, hồ nước, các khu vực quảng trường trung tâm tại các khu đô thị, các cù lao trên sông Hậu và các vùng cho phép ngập nước, thích ứng với biến đổi khí hậu.

9. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

+ Đường bộ:

Xây dựng, hoàn thiện hệ thống đường cao tốc, gồm: Tuyến thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ; tuyến Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng; tuyến Cần Thơ - Cà Mau; tuyến đường Hồ Chí Minh (đoạn đi qua thành phố Cần Thơ từ cầu mới qua sông Hậu).

Cải tạo, nâng cấp các tuyến quốc lộ: 1A, 80, 91B, Nam sông Hậu.

Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường tỉnh kết nối khu vực nội ô với các đô thị ngoại thành, giữa các thị trấn ngoại thành và với các đô thị khác trong vùng.

Xây dựng mới cầu qua sông Hậu tại quận Thốt Nốt. Trong định hướng dài hạn, xây dựng mới cầu qua sông Hậu tại quận Ô Môn.

Cải tạo, xây mới theo cấp hạng của đường đối với các cầu khác trên hệ thống đường giao thông đối ngoại.

+ Đường thủy:

Tăng cường cải tạo nạo vét luồng lạch các tuyến giao thông thủy quốc gia: Sông Hậu, kênh Cái Sắn, sông Cần Thơ, kênh Xà No, sông Ô Môn, kênh Thị Đội, kênh Thốt Nốt.

Hoàn thiện, nâng cao năng lực của cụm cảng Cần Thơ, bao gồm các khu bến Cái Cui, Hoàng Diệu - Bình Thủy, Trà Nóc - Ô Môn, trong đó Cái Cui là khu bến chính, là cảng tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực.

Xây mới và nâng cấp các bến cảng, bến tàu trên các tuyến giao thông thủy quốc gia phục vụ cho vận tải hàng hóa và hành khách, đồng thời sẽ xây dựng thêm một số bến tàu tại các điểm đô thị mới để tăng cường năng lực vận tải thủy của thành phố.

+ Đường sắt: Xây dựng tuyến đường sắt tốc độ cao thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ và có các tuyến rẽ đi Long Xuyên và Cà Mau.

+ Đường hàng không: Nâng cấp Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ để có thể đón nhận các loại máy bay lớn đạt tiêu chuẩn cấp hạng sân bay 4E theo tiêu chuẩn ICAO và sân bay quân sự cấp II, công suất khoảng 4 - 5 triệu hành khách/năm và 400.000 - 500.000 tấn hàng hoá/năm.

- Giao thông đô thị:

+ Đường bộ:

Khu vực các quận nội ô: Xây dựng mới, cải tạo, hoàn thiện các tuyến đường trục chính đô thị đồng bộ với các nút giao thông, đảm bảo kết nối giữa các tuyến đường đối ngoại với mạng lưới đường chính của thành phố. Các trục chính đô thị hiện hữu gồm: Quốc lộ 91 (đường Cách Mạng Tháng Tám), quốc lộ 91B, quốc lộ Nam sông Hậu, đường Mậu Thân, đường Võ Văn Kiệt, đường 30 tháng 4, đại lộ Hòa Bình, đường Trần Phú, đường Hùng Vương, đường Trần Hưng Đạo, đường Nguyễn Văn Cừ.

Cải tạo nâng cấp và xây dựng mới các tuyến đường chính khu vực theo định hướng quy hoạch của các khu đô thị. Quản lý lộ giới của các tuyến đường theo quy hoạch đảm bảo thuận lợi cho nâng cấp mở rộng trong tương lai.

Các thị trấn: Mạng lưới đường phát triển trên cơ sở kết hợp giữa nâng cấp cải tạo hệ thống đường hiện hữu với xây dựng mới đồng bộ và hiện đại, phù hợp với điều kiện tự nhiên sinh thái đặc thù của các thị trấn, đảm bảo liên hệ nhanh chóng với đô thị trung tâm và các đô thị khác.

+ Giao thông tĩnh:

Nâng cấp bến xe hiện hữu tại quốc lộ 91B, bến xe Ô Môn, Thốt Nốt, ngã ba Lộ Tẻ, các bến xe khách tại các thị trấn ngoại thành.

Xây dựng mới bến xe chính tại khu vực quận Cái Răng với diện tích dự kiến khoảng 15 - 20 ha, các bến xe kết nối với hệ thống giao thông đường sắt, đường hàng không, đường thủy.

Các bến xe hiện hữu trong nội ô sẽ chuyển thành các bến xe buýt, phương tiện giao thông công cộng.

Bố trí các bãi đỗ xe tại các khu vực trung tâm công cộng của đô thị.

+ Nút giao thông: Tại các điểm giao, cắt giữa các trục giao thông đối ngoại, đường cao tốc, đường sắt và các trục đường chính của thành phố cần thiết phải xây dựng các nút giao thông khác cốt để đảm bảo tốc độ và an toàn giao thông.

+ Cầu: Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới các cầu trong thành phố để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về giao thông vận tải. Các cầu sẽ được xây dựng theo cấp hạng, chiều rộng và tải trọng của các tuyến đường đồng thời phải đảm bảo tĩnh không thông thuyền theo cấp hạng của các tuyến sông, rạch.

+ Giao thông công cộng: Tổ chức giao thông công cộng trong thành phố bằng hệ thống xe buýt nối các khu đô thị có nhu cầu giao thông cao theo các trục đường chính. Dự kiến xây dựng các tuyến xe điện nối các khu đô thị của thành phố.

- Đường thủy:

Tăng cường nạo vét, tạo cảnh quan trên các tuyến giao thông thủy nội địa do thành phố quản lý.

Khi xây dựng các công trình vượt sông cần đảm bảo tĩnh không và cấm lấn chiếm bờ sông làm ảnh hưởng tới khả năng lưu thông của các phương tiện.

Bố trí bến tàu khách chính, bến tàu du lịch tại khu vực trung tâm đô thị truyền thống.

Cải tạo và xây dựng thêm các bến tàu hàng hóa và bến tàu hành khách trên các tuyến sông chính của thành phố.

b) Chuẩn bị kỹ thuật:

- San nền:

+ Cao độ xây dựng cho các khu đô thị:

Khu đô thị truyền thống Ninh Kiều - Bình Thủy:

. Đối với khu vực trung tâm (chính trị, văn hóa, dịch vụ,...) các khu công nghiệp, kho tàng: Cao độ xây dựng > 2,50 m.

. Đối với các khu dân cư xây dựng tập trung, mạng lưới đường cao độ xây dựng > 2,40 m.

. Đối với các khu công viên cây xanh, các khu xây dựng ít tập trung, nhà thấp tầng cho phép cao độ xây dựng > 2,30 m.

Khu đô thị - công nghiệp Thốt Nốt: Cao độ xây dựng > 3,10 m;

Khu đô thị mới Ô Môn: Cao độ xây dựng > 2,70 m;

Khu vực thị trấn Thới Lai: Cao độ xây dựng > 2,70 m;

Khu vực thị trấn Cờ Đỏ: Hxd > 2,70 m;

Khu vực thị trấn Vĩnh Thạnh: Cao độ xây dựng > 2,70 m;

Khu vực thị trấn Thạnh An: Cao độ xây dựng > 2,50 m.

+ Quy hoạch chiều cao:

Đối với các khu đô thị hiện hữu: Do mật độ xây dựng cao, tiến hành san lấp cục bộ chống ngập lụt và tạo hướng thoát nước khi xây dựng cải tạo chính trang đô thị. Riêng đối với khu trung tâm thành phố (khu vực quận Ninh Kiều, quận Bình Thủy) do mật độ xây dựng tập trung quá lớn nên cần tổ chức xây dựng bờ bao chống ngập lụt cho các khu vực có cao độ nền thấp bị ảnh hưởng.

Đối với các khu đô thị mới: San lấp nâng cao nền đất tới cao độ khống chế, triệt để tận dụng địa hình tự nhiên, giữ lại sông rạch hiện hữu đồng thời tăng cường tạo hồ, kênh, rạch để có tác dụng thoát nước, tăng cường cảnh quan cho đô thị và cân đối đào đắp.

- Thoát nước mưa:

Đối với các khu vực mới phát triển hệ thống thoát nước mưa được xây dựng riêng, dạng cống ngầm và mương có nắp đan, nước mưa được thu gom, vận chuyển và xả trực tiếp ra sông, rạch.

Đối với các khu vực đô thị hiện hữu cần cải tạo lại các tuyến thoát nước hiện hữu, từng bước xây dựng riêng hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải sinh hoạt để đưa về trạm xử lý trước khi xả ra môi trường.

Tận dụng tối đa hệ thống sông, rạch hiện hữu để thoát nước mưa và tạo cảnh quan sông nước, tăng cường nạo vét để tiêu thoát nước.

Trong các khu công viên cây xanh xây dựng mới một số hồ lớn, tạo cảnh quan kết hợp làm hồ điều hoà thoát nước mưa trong mùa lũ và cân đối đào đắp.

c) Cấp nước:

- Chỉ tiêu cấp nước:

+ Tổng nhu cầu dùng nước sinh hoạt đô thị và sản xuất đến năm 2020 khoảng 266.400 m³/ngày; đến năm 2030 khoảng 448.600 m³/ngày.

+ Tổng nhu cầu dùng nước sinh hoạt dân cư nông thôn đến năm 2020 khoảng 23.200 m³/ngày; đến năm 2030 khoảng 36.800 m³/ngày.

- Các công trình đầu mối:

Khai thác sử dụng hợp lý các nguồn nước, ưu tiên nước mặt sông Hậu và các nhánh: Sông Cần Thơ, sông Ô Môn, sông Cái Sắn, kênh Thốt Nốt,... Nước ngầm dùng với số lượng hạn chế cho những khu dân cư ngoại thành xa nguồn nước của thành phố.

Xây dựng mới và mở rộng 16 nhà máy nước cấp nước cho toàn thành phố với tổng công suất đến năm 2020 là khoảng 306.220 m³/ngày; đến năm 2030 là khoảng 427.500 m³/ngày và 01 nhà máy nước cấp vùng là nhà máy nước Sông Hậu 1 công suất 500.000 m³/ngày, cấp cho thành phố Cần Thơ 50.000 m³/ngày.

- Mạng lưới ống cấp nước:

Xây dựng đường ống cấp nước cấp vùng Ø1000 từ nhà máy nước sông Hậu 1 về Rạch Giá.

Xây dựng hệ thống đường ống cấp nước chính nối mạng các nhà máy nước, các tuyến ống truyền tải, phân phối cung cấp nước cho các khu dân cư và khu công nghiệp phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

d) Cấp điện:

- Nguồn điện: Nhà máy điện Trà Nóc hiện hữu có công suất 183 MW. Trung tâm điện lực Ô Môn có công suất 3.660 MW (đến năm 2020).

- Lưới điện:

Lưới điện cao thế đi qua địa bàn thành phố Cần Thơ bao gồm 3 cấp điện áp 500 kV, 220 kV và 110 kV. Trong đó, lưới điện 220 kV, 110 kV được thiết kế mạch vòng, mỗi trạm biến áp sẽ được cấp điện bằng hai đường dây đảm bảo độ tin cậy cung cấp điện, chất lượng điện năng theo chế độ làm việc bình thường và sự cố đơn lẻ theo các quy định hiện hành.

Đường dây 220 kV, 110 kV được thiết kế nhiều mạch, ưu tiên sử dụng loại cột nhiều mạch để giảm hành lang tuyến các đường dây tải điện.

Trạm biến áp được thiết kế với cấu hình đầy đủ tối thiểu là hai máy biến áp. Công suất vận hành đảm bảo chế độ vận hành bình thường.

Lưới điện 220 kV, 110 kV phải đảm bảo độ dự phòng cho phát triển.

- Chiếu sáng đô thị:

Phát triển chiếu sáng đô thị gắn liền với phát triển đô thị, kết hợp với cải tạo xây dựng mới, đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị. Tăng cường việc sử dụng, khai thác các nguồn năng lượng mới, tái tạo trong hoạt động chiếu sáng đô thị nhằm tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng điện, năng lượng và bảo vệ môi trường.

Đảm bảo 100% các công trình giao thông, không gian công cộng và quảng cáo tại đô thị (bao gồm xây mới, cải tạo, nâng cấp) sử dụng các sản phẩm chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện, trong đó phân đấu từ 30% đến 50% các công trình sử dụng đèn năng lượng mặt trời đạt tiêu chuẩn. Hoàn thành việc hạ ngầm toàn bộ đường dây cấp điện chiếu sáng tại các đô thị.

đ) Thoát nước thải:

Tổng lượng nước thải các khu dân cư đô thị: Đến năm 2020: $Q = 106.500 \text{ m}^3/\text{ngày}$; đến năm 2030: $Q = 146.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Tổng lượng nước thải các khu dân cư thị trấn ngoại thành: Đến năm 2020: $Q = 5.800 \text{ m}^3/\text{ngày}$; đến năm 2030: $Q = 6.400 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Tổng lượng nước thải các khu công nghiệp: Đến năm 2020: $Q = 40.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$; đến năm 2030: $Q = 65.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Bố trí hệ thống thoát nước thải riêng với hệ thống thoát nước mưa.

Nước thải từ các công trình dân dụng phải được xử lý bằng bể tự hoại trước khi thoát ra cống thu gom nước thải về nhà máy xử lý nước thải của thành phố. Nước thải sau khi xử lý phải đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi thải ra sông.

Nước thải từ các khu công nghiệp phải được xử lý cục bộ tại nơi sản xuất đúng tiêu chuẩn của ban quản lý quy định trước khi ra cống thu gom về trạm xử lý chung. Nước thải công nghiệp sau khi xử lý phải đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi thải ra sông.

Nước thải từ các cơ sở y tế phải được xử lý tại chỗ theo đúng tiêu chuẩn của Bộ Y tế trước khi thải ra hệ thống thu gom nước thải của thành phố.

e) Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

- Quản lý chất thải rắn:

+ Tổng lượng rác thải sinh hoạt tại các đô thị đến năm 2020 khoảng 1.000 - 1.200 tấn và đến năm 2030 khoảng 1.500 - 2.000 tấn.

+ Xây dựng 4 khu xử lý:

. Tại quận Ô Môn diện tích khoảng 47 ha.

. Tại huyện Thới Lai diện tích khoảng 72,5 ha, trong dài hạn mở rộng lên 120 ha.

. Tại phía Bắc thành phố diện tích khoảng 14,5 ha, dự phòng 10 ha.

. Tại huyện Vĩnh Thạnh diện tích khoảng 6,5 ha.

+ Xây dựng 2 khu xử lý trâu tại Ô Môn và Thốt Nốt, có diện tích 2 ha và 10 ha.

+ Đối với dân cư nông thôn: Thu gom và xử lý tại chỗ bằng phương pháp đốt và chôn lấp.

+ Bố trí 6 trạm trung chuyển rác theo quy hoạch quản lý chất thải rắn của thành phố để thu gom và vận chuyển rác về bãi rác.

+ Hạn chế giải pháp xử lý chôn lấp rác, tăng cường áp dụng công nghệ tiên tiến trong xử lý, tái chế chất thải rắn.

- Nghĩa Trang:

+ Quy hoạch xây dựng 03 nghĩa trang cấp thành phố:

. Nghĩa trang tại phường Thường Thạnh, quận Cái Răng diện tích khoảng 50 ha;

. Nghĩa trang tại xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai diện tích khoảng 150 ha;

. Nghĩa trang phía Bắc thành phố diện tích khoảng 50 ha.

+ Xây dựng các đài hoả táng với công nghệ tiên tiến tại các nghĩa trang.

+ Hạn chế việc chôn cất, có kế hoạch di dời các nghĩa địa, nghĩa trang nằm trong nội ô.

g) Thông tin liên lạc:

Nâng cao chất lượng, đa dạng hóa dịch vụ thông tin liên lạc; duy trì tốc độ tăng trưởng các dịch vụ bưu chính cơ bản, dịch vụ bưu chính cộng thêm, phát triển các loại dịch vụ mới. Xây dựng bưu cục trung tâm vùng tại Cần Thơ trở thành một trong những trung tâm khai thác chia chọn với trang thiết bị hiện đại. Nâng cấp bưu điện quận, huyện; củng cố và hoàn thiện mô hình điểm Bưu điện văn hóa xã.

Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông có công nghệ hiện đại, có độ bao phủ rộng khắp, dung lượng lớn, cung cấp đa dịch vụ với chất lượng tốt và có hiệu quả. Tăng dung lượng các tổng đài, nâng số thuê bao Internet/100 dân đạt từ 7 - 8 thuê bao đến năm 2015, khoảng từ 13 - 15 thuê bao đến năm 2020 và từ 20 - 30 thuê bao đến năm 2030. Đưa viễn thông và Internet trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần tăng trưởng kinh tế, tạo nhiều việc làm cho xã hội.

10. Các chương trình và dự án ưu tiên:

a) Hạ tầng kỹ thuật:

- Xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Cần Thơ, đường cao tốc Sóc Trăng - Cần Thơ - Châu Đốc.

- Nâng cấp, mở rộng hệ thống quốc lộ (91, 91B, 80, Nam sông Hậu). Hình thành trục xương sống đô thị giữa Khu vực đô thị truyền thống của Cần Thơ với Ô Môn trên cơ sở tuyến quốc lộ 91 và quốc lộ 91B.

- Xây dựng và nâng cấp hệ thống đường tỉnh.

- Nâng cấp, mở rộng hệ thống cảng, kho vận, trung tâm phân phối cấp vùng.

- Xây dựng cầu sông Hậu, hệ thống cầu qua sông Cần Thơ, cầu qua cù lao, cồn trên sông Hậu.

- Nâng cấp hệ thống giao thông thủy phục vụ cho phát triển thành phố.

- Phát triển hệ thống cấp nước sạch và các nhà máy cấp nước (Cần Thơ 2, Ô Môn 2, Thốt Nốt,...); hệ thống thu gom và xử lý nước thải (nhà máy xử lý nước thải Cần Thơ giai đoạn 2, Thốt Nốt,...), các khu xử lý chất thải rắn.

- Xây dựng mới và cải tạo các tuyến điện 500 kV, 220 kV, 110 kV, 22 kV và các trạm biến thế phục vụ cho thành phố Cần Thơ và các tỉnh lân cận.

- Xây dựng các nghĩa trang theo quy hoạch.

- Xây dựng hệ thống thông tin liên lạc, viễn thông, kiểm soát tần số.

b) Hạ tầng xã hội:

- Tập trung đầu tư xây dựng các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa cấp thành phố và cấp vùng (bệnh viện nhi đồng, ung bướu, lao và bệnh phổi,...).

- Các công trình đào tạo và nghiên cứu (các trường đại học, các trường dạy nghề, các viện nghiên cứu).

- Các công trình thương mại dịch vụ đầu mối (chợ đầu mối thủy sản, hệ thống trung tâm phân phối cấp vùng,...).

- Hình thành tuyến công viên Cần Thơ là không gian công cộng mới của thành phố và nhằm ngăn chặn việc đô thị hoá tại các khu vực không phù hợp.

- Các khu du lịch sinh thái như cồn Ấu, cồn Sơn, cù lao Tân Lộc, vườn cây ăn trái Phong Điền.

- Chương trình phát triển nhà ở và hạ tầng xã hội.

- Chương trình nâng cấp đô thị.

- Chương trình kiểm soát bảo vệ cảnh quan môi trường, nguồn nước.

- Chương trình đầu tư xây dựng phát triển du lịch, khai thác các tuyến du lịch cảnh quan, sinh thái, văn hóa và lịch sử.

- Các chương trình phát triển khu công nghiệp: Đẩy nhanh tiến độ quy hoạch và triển khai đầu tư xây dựng, từng bước hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng, thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp tại Cái Răng, Thốt Nốt, Ô Môn. Phát triển khu công nghiệp Thốt Nốt phù hợp với quy hoạch đường Hồ Chí Minh, theo mô hình khu công nghiệp kết hợp với đô thị phát triển hỗn hợp dựa trên giao thông thủy, bộ.

- Quy hoạch và triển khai thực hiện khu công nghệ thông tin để tập trung nghiên cứu, phát triển, sản xuất kinh doanh và đào tạo nguồn nhân lực về công nghiệp công nghệ thông tin.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ triển khai thực hiện các công việc sau:

1. Ban hành Quy định quản lý theo đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Cần Thơ đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 được duyệt.

2. Phối hợp với Bộ Xây dựng, tổ chức công bố công khai đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Cần Thơ đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 được duyệt.

3. Tổ chức lập và rà soát các quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch xây dựng xã nông thôn, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị phù hợp với đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Cần Thơ đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 được duyệt. Xây dựng và ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị.

4. Lập kế hoạch đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và quản lý đầu tư xây dựng theo đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Cần Thơ đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 được duyệt.

5. Xây dựng cơ chế, chính sách huy động nguồn lực tài chính, đất đai các dự án hạ tầng kỹ thuật khung của thành phố Cần Thơ.

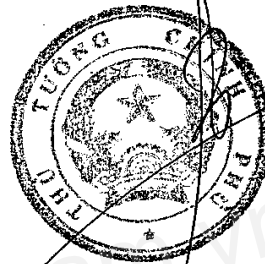
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 207/2006/QĐ-TTg ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: XD, CT, GTVT, GD&ĐT, KH&CN, KH&ĐT, NN&PTNT, QP, TC, TN&MT, VH&DL;
- Ban Chỉ đạo Tây Nam bộ;
- Thành ủy, HĐND, UBND thành phố Cần Thơ;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Công TTĐT, các Vụ: TH, KTTH, V.III;
- Lưu: Văn thư, KTN (3b).xh *VH*

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hoàng Trung Hải